

Bản án số: 211/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2018
V/v : *Yêu cầu không công nhận vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ HẠNG

Các Hội thẩm nhân dân: Bà NGUYỄN THỊ TỈNH

Ông NGUYỄN ĐỨC ĐẸP

- **Thư ký phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ THỦY - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Z.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z** tham gia phiên tòa: Ông LÊ HOÀNG ANH - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1501/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà TRẦN THỊ HOÀNG A, Sinh năm 1965.

**Bị đơn:* Ông TRƯƠNG QUANG P, Sinh năm 1965.

Đồng nơi cư trú: 34/7A (số mới là 122) đường NTT, phường TL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

(*Bà A có mặt; ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*)

**Người làm chứng:* Chị TRƯƠNG HOÀNG THANH T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: 34/7A (số mới là 122) đường NTT, phường TL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Trần Thị Hoàng A trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa:* Tôi và ông Trương Quang P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P S, thành phố Z. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên đến năm 1994 chúng tôi đã ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố Z ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa tôi và ông Trương Quang P. Thời gian đó, chúng tôi chỉ có một con chung là cháu Trương Hoàng Thanh T, sinh ngày 31/8/1987, theo quyết định Tòa án giao cháu T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung vợ chồng chúng

tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, tôi và ông P mỗi người sống mỗi nơi và do nhiều lần chuyển nơi ở khác nên không lưu giữ Quyết định nêu trên. Mỗi khi đến thăm cháu T, ông P gây khó khăn, không cho tôi được gặp mặt, chăm sóc con vì thương con và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con nên đến năm 2000 tôi và ông Trương Quang P quay về chung sống với nhau như vợ chồng tại địa chỉ 37/7A (nay là 122) đường NTT, phường TL, thành phố Z cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2003, chúng tôi sinh con chung là cháu Trương Hoàng L. Bản thân tôi chỉ suy nghĩ sống chung với nhau vợ chồng hạnh phúc là được nên không đến Ủy ban nhân dân để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tôi nhận thức rằng, việc vợ chồng chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, đồng thời tình cảm vợ chồng lại mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, luôn cãi vã xúc phạm nhau nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và ông Trương Quang P là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống từ năm 2000 cho đến nay, chúng tôi có một con chung: cháu Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003, hiện nay cháu L đang do tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống với mẹ nên tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời trình bày của bị đơn ông Trương Quang P trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:* Năm 1986, tôi và bà Trần Thị Hoàng A kết hôn đến năm 1994 do vợ chồng mâu thuẫn, bất hòa nên đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho chúng tôi ly hôn. Thời gian đó, chúng tôi chỉ có một con chung là cháu Trương Hoàng Thanh T và tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Đến năm 2000, giữa tôi và bà A hàn gắn tình cảm với nhau nên đã tự nguyện về chung sống tại địa chỉ 37/7A (nay là 122) đường NTT, phường TL, thành phố Z cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và sinh được một con chung là cháu Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003. Vì thời gian giải quyết ly hôn đã lâu từ năm 1994 và nhiều lần chuyển nơi ở mới nên tôi đã làm thất lạc Quyết định thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Z đã ban hành vào năm 1994. Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có sự gian dối tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Kể từ năm 2000 cho đến nay, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà Trần Thị Hoàng A yêu cầu Tòa án không công nhận giữa tôi và bà A không phải là vợ chồng, tôi đồng ý. Tôi tự nguyện giao cháu Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003 cho bà A trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Tôi không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời trình bày của người làm chứng, chị Trương Hoàng Thanh T trong hồ sơ vụ án thể hiện:* Tôi biết việc cha mẹ là ông Trương Quang P, bà Trần Thị Hoàng A đã được Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết ly hôn vào năm 1994; Tôi biết việc này vì tôi có nghe ba mẹ nói lại và thời gian còn nhỏ tôi chỉ sống cùng ba, còn mẹ thì thỉnh thoảng chỉ đến thăm tôi. Đến khoảng năm 2000, cả gia đình tôi chuyển về cùng chung sống với nhau tại địa chỉ 37/7A đường NTT, phường TL, thành phố Z. Việc ba mẹ tôi sau khi ly hôn có đăng ký kết hôn lại hay không thì tôi không biết và cũng không quan

tâm. Đến năm 2003, tôi có thêm một em trai là Trương Hoàng L. Nay, cha mẹ tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố không phải là vợ chồng, tôi không có ý kiến gì về việc này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của các đương sự thì bà A và ông P tự nguyện kết hôn năm 1986, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố Z nhưng đến năm 1994 thì ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Z. Tòa án nhân dân thành phố Z đã tiến hành xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z, kho lưu trữ của Tòa án nhân dân thành phố Z thể hiện: Bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P đã được Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 326 ngày 16 tháng 12 năm 1994 (*Bút lục số 15, 20*). Như vậy, bà A và ông P đã ly hôn đến năm 2000 về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn (*Bút lục 16*). Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P không phải là vợ chồng. Giao cháu Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà A không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Thủ tục tố tụng*: Bị đơn, ông Trương Quang P và người làm chứng, chị Trương Trần Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

* *Nội dung*:

[1] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình*: Bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P tự nguyện kết hôn năm 1986, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố Z. Đến năm 1994, ông bà đã được Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết ly hôn nhưng đã làm thất lạc quyết định nên không thể cung cấp cho Tòa án. Theo kết quả xác minh thể hiện tại sổ kết quả giải quyết án Hôn nhân gia đình năm 1994 (*bút lục số 20*): Bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 326 ngày 16 tháng 12 năm 1994. Như vậy, lời trình bày của bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P về quá trình kết hôn và ly hôn là có cơ sở. Do đó, thời điểm quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn số 326 ngày 16 tháng 12 năm 1994 có hiệu lực pháp luật.

Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Z và lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận: Từ năm 2000 bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P quay về chung sống với nhau như vợ chồng tại

địa chỉ 37/7A (số mới là 122) đường NTT, phường TL, thành phố Z cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn (*Bút lục 16*). Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trường hợp yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, việc bà Trần Thị Hoàng A có đơn yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang Plà có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P có hai con chung là Trương Trần Thanh T, sinh năm 1987 (*đã trưởng thành*); Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003, bà Trần Thị Hoàng A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L và ý kiến của ông P. Vì vậy, việc bà Trần Thị Hoàng A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Quang P do bà Trần Thị Hoàng A không yêu cầu.

[3] Về nợ chung, tài sản chung: Bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Hoàng A.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Hoàng A và ông Trương Quang P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2003 cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trương Quang P do bà A không yêu cầu.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Bà Trần Thị Hoàng A, ông Trương Quang P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Hoàng A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0010184 ngày 25/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Z;
- Chi cục THADS TP.Z;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạng